

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 4 - 2024

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huy Hà.

2. Ông Bùi Quang Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Giàng Seo S, năm sinh 1991.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Vàng Thị M, năm sinh 1998.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Giàng Seo S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vàng Thị M tự nguyện kết hôn ngày 14/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, không biết vì lý do gì mà tháng 7/2017 (ngày anh không nhớ) chị M bỏ đi đâu không ai biết và đến giờ không có tin tức gì. Anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị M mất tích, ngày 12/12/2023 Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự tuyên bố chị M mất tích. Từ khi Tòa án tuyên bố chị M mất tích đến nay vẫn không ai biết tin tức gì về chị M. Nay anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M để đảm bảo cuộc sống riêng của anh.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh và chị Vàng Thị M không có con, nên anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn chị Vàng Thị M: Sau khi Toà án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng vẫn không tiến hành lấy lời khai của chị M được, dẫn đến không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị M.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

3.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các từ điều Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 233.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mất tích nên chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

3.2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh Giàng Seo S được ly hôn với chị Vàng Thị M.

- Về con chung; về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

3.3. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh S, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng vụ án dân sự hợp lệ như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử;

Quyết định hoãn phiên toà; Giấy triệu tập hai lần cho từng giai đoạn tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để chị M có ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh S và phải có mặt tại trụ sở Toà án để khai về mối quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S, nhưng chị M vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, xâm phạm tới quyền lợi của người khác được pháp luật bảo vệ. Đồng thời, sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị M là hợp pháp. Qua lời khai của anh S, thì cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 7/2017, chị M bỏ đi đâu không thấy về, anh S đã đi tìm ở nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của chị M. Sau đó, anh S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chị M mất tích. Ngày 12/12/2023, Tòa án đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự, cụ thể: Tuyên bố chị M mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Nay tình cảm giữa anh S đối với chị M không còn, việc anh S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S đã nộp đơn đề nghị Tòa án miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí hôn nhân gia đình và cung cấp văn bản xác nhận anh S là cá nhân thuộc hộ nghèo. Xét đề nghị của anh S là có căn cứ, phù hợp với khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Giàng Seo S và chị Vàng Thị M. Quan hệ hôn nhân của anh Giàng Seo S và chị Vàng Thị M được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Giàng Seo S được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn - đề nghị yết (3);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai (2);
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- UBND xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Tổng Duy Toán